

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2017

V/v tranh chấp: "Ly hôn
và nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thanh Long

2/ Ông Nguyễn Thanh Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Lo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1991. Địa chỉ: 145B/6A, khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ – có mặt.

Bị đơn: Ông P, sinh năm 1990. Địa chỉ: 082 ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà T ngày 10-8-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P tiến đến hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ vào ngày 16-3-2011. Thời gian đầu vợ chồng thuê nhà trọ ở, đến khi sinh con thì về nhà chồng sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông P thường xuyên đi nhậu với bạn bè và ghen tuông đánh bà. Mâu thuẫn ngày càng phức tạp nên đến tháng 8/2017 bà bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con chung tên V (nữ), sinh ngày 24-9-2011, hiện bà đang nuôi con. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Theo lời khai và tại phiên tòa ông P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ như T trình bày là đúng. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà T có đơn khởi kiện đối với ông P về việc yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con. Bà T và ông P chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Ông P có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, nguyên đơn và

bị đơn chưa thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án nên mở phiên tòa xét xử công khai.

[3] Xét về yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét thấy mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau từ năm 2011 và đã có 01 con chung. Tuy nhiên, do ông bà xử thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, khi mâu thuẫn xảy ra ông bà không tìm cách tháo gỡ, mà để tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, thậm chí ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông P cũng không có nguyện vọng đoàn tụ, vì vậy xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà và ông P ly hôn là phù hợp.

Về con chung: có 01 con chung tên V (nữ), sinh ngày 24/9/2011, cháu hiện đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Còn ông P cũng có yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu V là nữ và hiện đang được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Bà T cũng có điều kiện để nuôi cháu nên cần giao cháu cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho ông P, không ai có quyền ngăn cản, theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích mọi mặt của con sau này khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ: Cả hai đều xác định không có, nếu sau này có ai khởi kiện sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà T được ly hôn với ông P.

2/ Về con chung: Giao cháu V (nữ), sinh ngày 24-9-2011 cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho ông P theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con sau này khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai đều xác định không có, nếu sau này có ai khởi kiện sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4/ Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 005062 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Bà T đã nộp xong án phí.

5/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án, các đương được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- Chi Cục THADS H. P;
- UBND xã T (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phi Long